TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2017/HNGĐ-PT
Ngày 21 – 11 - 2017
V/v ly hôn và nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Minh Phương
Các Thẩm phán: Ông Lương Ngọc Dũng
Ông Cao Văn Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Bùi Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Ông Hà Văn Dỏn - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2017/TLPT-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 40/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017 của Toà án nhân dân huyện AL, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1934/2017/QĐ-PT ngày 01 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Anh Dương Đức C, sinh năm 1971; nơi cư trú: Thôn A, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1972; nơi cư trú tại: Thôn A, xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người kháng cáo*: Chị Đỗ Thị H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm nguyên đơn Anh Dương Đức C trình bày:

Anh Dương Đức C và Chị Đỗ Thị H kết hôn do tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng năm 1991. Sau khi kết hôn, anh C chị H về chung sống trên diện tích đất của bố mẹ đẻ anh C tại Thôn A, xã QT, huyện AL. Quá trình chung sống vợ chồng những năm đầu bình thường, hòa thuận cho đến năm 2014 thì quan hệ vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Nguyên nhân chính là do tính cách hai bên không còn phù hợp; kinh tế gia đình khó khăn; chị H cư xử với người thân của anh C không tốt. Vợ chồng thường xuyên va chạm, cãi nhau. Do mâu thuẫn nên kể từ năm 2014, anh C và chị H đã sống ly thân, mỗi người một nơi, anh C không còn quan tâm đến chị H. Năm 2015, anh C đã làm đơn đến Tòa án xin được ly hôn với chị H nhưng Tòa án đã bác đơn xin ly hôn của anh C. Tuy vậy, quan hệ giữa anh C và chị H cũng không vì thế mà được cải thiện. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được nên năm 2017 anh C tiếp tục làm đơn đề nghị được ly hôn với chị H.

Tại bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ, bị đơn – Chị Đỗ Thị H xác nhận mối quan hệ vợ chồng được xác lập như anh C trình bày. Quá trình chung sống vợ chồng bình thường, hòa thuận cho đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do anh C không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác. Anh C thường xúc phạm và đánh chị H. Khoảng 04 năm nay, hai bên đã sống ly thân. Năm 2015, anh C đã làm đơn xin ly hôn nhưng Tòa án đã bác đơn xin ly hôn. Năm 2017, anh C tiếp tục làm đơn xin ly hôn. Chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống nhưng chị H không đồng ý ly hôn với anh C. Chị H chỉ đồng ý ly hôn nếu anh C đồng ý viết giấy cho cháu K (là con chung của anh C và chị H) được quyền sử dụng nhà và đất mà vợ chồng chị H đang sử dụng.

Về quan hệ nuôi con chung: Anh C và chị H thống nhất trình bày: Quá trình chung sống có hai con chung là: Dương Đức K, sinh ngày 05/6/1994 và Dương Đức T, sinh ngày 05/01/2005. Con chung Dương Đức K đã thành niên nên các bên không có yêu cầu về việc nuôi con. Nếu ly hôn, chị H có nguyện vọng được nuôi con chung là Dương Đức T và yêu cầu anh C phải đóng góp 2.000.000 đồng/tháng. Anh C đồng ý với quan điểm của chị H về việc nuôi con và mức đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về quan hệ tài sản: Anh C và chị H xác nhận có 01 ngôi nhà xây mái bằng, từ năm 1992 diện tích khoảng 40m^2 và công trình phụ nằm trên diện tích đất khoảng 200m^2. Anh C trình bày, anh đồng ý để cho con trai lớn là cháu K được ở nhà, nhưng đất là của bố mẹ đẻ anh C chưa cho vợ chồng anh C nên anh C không viết giấy theo yêu cầu của chị H. Anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc phân chia tài sản chung. Chị Htrình bày đất là của bố mẹ đẻ anh C đã cho hai vợ chồng nhưng chị H không có giấy tờ để chứng minh; chị H không làm đơn yêu cầu phân chia tài sản, không nộp tiền tạm ứng án phí và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 40/2017/HNGĐ-ST ngày 29 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện AL, thành phố Hải Phòng đã căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử cho Anh Dương Đức C được ly hôn với Chị Đỗ Thị H.

Về quan hệ nuôi con chung: Giao con Dương Đức T, sinh ngày 05/01/2005 cho chị H nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh Dương Đức C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng kể từ tháng 9 năm 2017.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về lãi suất chậm trả, tiền án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05 tháng 9 năm 2017, Chị Đỗ Thị H kháng cáo T bộ nội dung bản án với lý do không đồng ý với T bộ bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện AL.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm.

Chị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý ly hôn với anh C, mặc dù biết anh C hiện không còn tình cảm với chị Hvà đã có quan hệ với người phụ nữ khác nhưng chị Hvẫn còn tình cảm với anh C nên sẽ K trì chờ đợi anh C quay trở về. Do chị H không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến gì về việc nuôi con và việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến*:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên về giải quyết đối với bản án sơ thẩm bị kháng cáo: Mâu thuẫn giữa anh C và chị H đã sâu sắc, không còn khả năng khắc phục nên bản án sơ thẩm quyết định cho anh C được ly hôn chị H là có căn cứ. Quyết định của bản án sơ thẩm về việc nuôi con và đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với điều kiện của các bên đương sự. Về tài sản chung: Anh C và chị H không yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là có căn cứ. Căn cứ Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên không chấp

nhận kháng cáo của chị H; giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chị H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp của vụ án là về ly hôn, tranh chấp về nuôi con quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền của Tòa dân sự phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về nội dung kháng cáo:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C và chị H kết hôn do tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã QT, huyện AL, thành phố Hải Phòng năm 1991 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh C chị H thời gian đầu hòa thuận. Mâu thuẫn vợ chồng bắt đầu phát sinh kể từ năm 2014. Vợ chồng thường xuyên xích mích, cãi nhau, thậm chí đánh nhau. Nguyên nhân chính là do anh C không chung thủy, có quan hệ với người phụ nữ khác. Mặt khác, chị H cư xử với những người thân của anh C không có sự tôn trọng nên phần nào cũng ảnh hưởng đến tình cảm vợ chồng. Do mâu thuẫn không thể khắc phục nên kể từ năm 2014, anh C chị H đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau. Chính quyền địa phương và người thân đã khuyên răn hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Năm 2015 anh C làm đơn xin ly hôn với chị H. Tòa án cấp sơ thẩm đã ra Quyết định công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh C và chị H. Nhưng sau đó, do chị Hkhiếu nại và xét thấy quá trình Tòa án sơ thẩm giải quyết có vi phạm về tố tụng nên Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã hủy quyết định công nhận thuận tình ly hôn giữa anh C và chị H, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện AL giải quyết lại. Ngày 23/9/2015, Tòa án nhân dân huyện AL đã quyết định: Không chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh C. Không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, anh C đã kháng cáo. Ngày 30/11/2015, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm quyết định: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh C, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện AL. Nhưng mối quan hệ giữa anh C và chị H không vì thế mà được cải thiện, trái lại mâu thuẫn ngày càng sâu sắc hơn. Anh C còn bỏ đi làm xa, không về nhà. Đầu năm 2017, anh C tiếp tục làm đơn đến Tòa án nhân dân huyện AL yêu cầu được ly hôn với chị H. Gia đình và chính quyền địa phương đã tiến hành hòa giải mâu thuẫn vợ chồng nhưng không có kết quả. Khi Ủy ban nhân dân xã Quang Trung hòa giải, chị Hcòn bỏ về. Về phía chị H, trình bày không nhất quán với nhau, có lúc chị Htrình bày tình cảm vợ chồng không còn nên đồng ý ly hôn với anh C nhưng có lúc chị H trình bày vẫn còn tình cảm với anh C và không đồng ý ly hôn. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa anh C và chị H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện tại chỉ gây khó khăn cho cuộc sống của mỗi người. Tòa án đã tạo cơ hội để anh C chị H khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả nên

cần chấp nhận yêu cầu của anh C được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về quan hệ nuôi con chung: Anh C và chị H xác nhận có 02 con chung là Dương Đức K, sinh ngày 05/6/1994 và Dương Đức T, sinh ngày 05/01/2005. Con chung Dương Đức K đã thành niên nên không đặt ra vấn đề giải quyết về việc nuôi con. Xét thấy, việc giao con Dương Đức T cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và anh C phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp với điều kiện thực tế của mỗi người và phù hợp với nguyện vọng của con chung cũng như phù hợp với quy định tại các Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con; chị Hkhông được cản trở Cường thực hiện quyền này - theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về quan hệ tài sản: Anh C chị H đều thống nhất trình bày, tài sản chung vợ chồng có 01 ngôi nhà cấp 4, diện tích khoảng 40m^2 xây dựng trên diện tích đất của bố mẹ đẻ anh C. Nay ly hôn anh C, chị H đều thống nhất cho cháu K được sử dụng ngôi nhà nhưng các bên không thống nhất về việc lập văn bản về việc này. Tòa án cấp sơ thẩm đã giải thích cho chị H về quyền được yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng và đã ra thông báo gửi chị Hyêu cầu nộp tiền tạm ứng án phí phân chia tài sản chung nhưng chị H không làm đơn, không nộp tiền tạm ứng án phí và trình bày không yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng. Do anh C và chị H không có yêu cầu về việc phân chia tài sản nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết là có cơ sở.

Nếu sau khi ly hôn, anh C và chị H có tranh chấp về việc phân chia tài sản chung thì các bên đều có quyền làm đơn đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết bằng một vụ án dân sự theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng rằng bản án sơ thẩm đã quyết định về quan hệ hôn nhân; quan hệ nuôi con và quan hệ tài sản là có căn cứ và phù hợp với các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình nên không chấp nhận kháng cáo của chị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm – khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Anh C phải nộp án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật – khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14.

Về án phí phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của chị H không được chấp nhận nên chị H phải nộp án phí ly hôn phúc thẩm – khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Chị Đỗ Thị H.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Anh Dương Đức C được ly hôn với Chị Đỗ Thị H.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Xử giao con chung là Dương Đức T, sinh ngày 05/01/2005 cho Chị Đỗ Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 (Hai triệu) đồng/tháng, kể từ tháng 9/2017.

Kể từ ngày chị Hcó đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, hàng tháng anh C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung; chị H không được cản trở anh C thực hiện quyền này. Anh C không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về quan hệ tài sản: Anh C và chị H không yêu cầu nên không đặt ra vấn đề giải quyết.

4. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm:

Anh C phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn và 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung; cộng: 600.000 đồng. Anh C đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 2505 ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện AL, thành phố Hải Phòng. Anh C còn phải nộp: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

- Án phí phúc thẩm: Chị Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 2629 ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện AL, thành phố Hải Phòng. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện AL;
- Chi cục THADS huyện AL;
- UBND xã QT, huyện AL, TP. Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Phương